

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 75/2024/DS-ST
Ngày 31/5/2024
Về việc “Bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Song Tố Như

- Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Trần Mỹ Trang;

+ Ông Nguyễn Nhiêu Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân
Huyện D, tỉnh Tây Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Lâm Phương Tú – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh
xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 486/2023/TLST-DS ngày 10 tháng
10 năm 2023 về việc “Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” theo Quyết định đưa vụ
án ra xét xử số: 85/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2024 giữa các đương
sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Mộng T, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp P, xã P, Huyện D,
tỉnh Tây Ninh; (có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962; địa chỉ: ấp N, xã C, Huyện D, tỉnh
Tây Ninh; (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn – Bà
Đặng Mộng T trình bày:

Bà T và ông Lê Tấn Đ (sinh năm 1968, chết năm 2016) là vợ chồng, có đăng
ký kết hôn tại UBND xã P năm 2012. Sau khi kết hôn, bà T và ông Đ cùng canh tác
trên phần đất có diện tích 10.460m², thửa đất số 1279, 1280, 1281, tờ bản đồ số 04,
tọa lạc tại xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, đất đã được UBND Huyện D cấp Giấy
CNQSDĐ ngày 21/9/1999 cho ông Lê Tấn Đ.

Năm 2016, ông Đ chết do tai nạn giao thông nên bà T tiếp tục sử dụng và canh tác thửa đất trên cho đến năm 2022 thì xảy ra tranh chấp với chị Lê Thị Hồng Th, là con riêng của ông Đ với vợ trước của ông Đ. Sau đó, bà N – vợ của ông Lê Thành Tài, anh ruột ông Lê Tấn Đ yêu cầu áp hòa giải. Ngày 10/6/2023, Ban hòa giải ấp P có lập phiên hòa giải để bà T và chị Th thỏa thuận nhưng chị Th không tham dự buổi hòa giải mà chỉ có bà N, ông Tài tham dự. Kết quả buổi hòa giải tại ấp không thành. Vì lúc này bà T đã mua lúa giống xong nên dù không thỏa thuận được tại ấp, bà T vẫn tiếp tục xạ lúa trên thửa đất nêu trên.

Tuy nhiên, khi bà T chuẩn bị xạ lúa thì bà N đến ngăn cản và bà T mời công an xã lập biên bản nhưng công an xã xác định tranh chấp đất đai nên không can thiệp. Sau đó, bà N đổ bỏ lúa giống bà T mua nhưng bà T vẫn tiếp tục xạ phần lúa còn lại. Khoảng 10 ngày sau, bà T phát hiện lúa cháy nên bà T nộp đơn trình báo sự việc tại UBND xã P. Khi UBND xã mời thì ông Tài, bà N có thừa nhận miệng ông Tài, bà N cho người xịt cỏ làm cháy lúa của bà T. Việc thừa nhận không được ghi nhận trong biên bản hòa giải ngày 15/9/2023 tại UBND xã P.

Nay, bà T khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm bồi thường cho bà T số tiền 9.000.000 (chín triệu) đồng là những thiệt hại bà T đã bỏ ra để xạ lúa trên phần đất có diện tích 10460m², thửa đất số 1279, 1280, 1281, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, cụ thể gồm tiền mua 220kg lúa giống là 3.000.000 (ba triệu) đồng, tiền thuê cày xới là 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng, tiền xịt cỏ là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Ngày 07/11/2023, bà T khởi kiện bổ sung yêu cầu bà N bồi thường cho bà T số lượng lúa lẽ ra bà T có thể thu hoạch được, tương đương 05 tấn lúa, giá khoảng 8.600 đồng/kg, thành tiền là 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, ngày 24/01/2024, bà T tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà N bồi thường cho bà T số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai, bị đơn – Bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà N là vợ của ông Lê Thành T, là chị dâu của ông Lê Tấn Đ. Ông Đ trước khi cưới bà T có đăng ký kết hôn với bà Hoàng Thị Hồng H vào năm 1995 tại UBND xã C. Ông Đ và bà H có 01 người con chung tên Lê Thị Hồng Th. Khoảng năm 1995 – 1996, gia đình bà H bảo lãnh bà H đi Hoa Kỳ định cư. Khi ông Đ cưới bà T thì chưa ly hôn với bà H.

Ba ruột của ông Đ, tức ba chồng của bà N cho ông Đ khoảng 01 mẫu đất ruộng và ông Đ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1999. Ông Đ là

người trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất ruộng này đến khi chết vào năm 2016 do tai nạn giao thông.

Năm 2016, trước khi ông Đ chết vài tháng, chị Th đã được bà H bảo lãnh sang Hoa Kỳ. Sau khi ông Đ chết, bà T đã cho thuê phần đất ruộng trên từ năm 2016 đến năm 2022. Ban đầu chị Th không đồng ý để bà T cho thuê phần đất của ông Đ nhưng sau đó do phải quay về Hoa Kỳ nên cũng không khởi kiện. Do thấy bà T không cúng giỗ, lo nhang khói cho ông Đ nên khoảng năm 2022, chị Th có quay về đòi lại đất để canh tác. Thực tế chị Th có lấy lại đất để nhờ con ruột của bà N là anh Lê Thanh H trực tiếp canh tác được 01 vụ mì, lấy tiền thu hoạch được để cúng giỗ cho ông Đ. Khi chuẩn bị xạ lúa vụ tiếp thì mới phát sinh tranh chấp với bà T vào khoảng tháng 6/2023.

Sự việc tranh chấp được hòa giải tại Văn phòng ấp P, có lập biên bản ghi rõ đất đang tranh chấp không cho ai làm hết. Tuy nhiên, bà T không chấp hành mà khoảng một tháng sau lại cho người đi xạ lúa trên phần đất tranh chấp. Khi xảy ra việc bà T xạ lúa, gia đình bà N đã ngăn cản, có mời công an xã P chứng kiến và ngăn cản không cho xạ lúa. Sự việc không được lập biên bản.

Khoảng 20 ngày sau, gia đình bà N có xuống đất để xịt thuốc cỏ để tránh cỏ dại mọc trên phần đất tranh chấp. Sau đó, gia đình bà N mới biết việc bà T khởi kiện yêu cầu bồi thường do xịt lúa do bà T lén xạ.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì bà N không đồng ý do bà không xịt thuốc làm cháy lúa, bà chỉ xịt thuốc diệt cỏ dại mọc trên phần đất tranh chấp.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, Thẩm phán đã giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự. Các đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Mộng T đối với bà Nguyễn Thị N, buộc bà N bồi thường cho bà T số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng, đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị N phải bồi thường thiệt hại cho bà Đặng Mộng T 05 tấn lúa, trị giá tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng. Đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về yêu cầu khởi kiện: Theo đơn khởi kiện ban đầu, bà Đặng Mộng T yêu cầu bà Nguyễn Thị N bồi thường số tiền 9.000.000 (chín triệu) đồng. Ngày 07/11/2023, bà T khởi kiện bổ sung yêu cầu bà Nguyễn Thị N bồi thường thiệt hại cho bà Đặng Mộng T 05 tấn lúa, trị giá 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà N bồi thường 05 tấn lúa, thành tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu bà N bồi thường số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Đặng Mộng T khởi kiện bà Nguyễn Thị N về việc “Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”, là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 6 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là bà Nguyễn Thị N có hộ khẩu thường trú tại xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện D theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về chứng cứ: Tại phiên tòa, các đương sự không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu chứng cứ các đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Xét căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Bà T và ông Đ chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P năm 2012. Năm 2016, ông Đ chết nên bà T tiếp tục canh tác trên phần đất diện tích 10460m², thửa đất số 1279, 1280, 1281, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Khoảng tháng 6/2023, bà T và chị Lê Thị Hồng Th, con riêng của ông Đ với bà Hoàng Thị Hồng H xảy ra mâu thuẫn về việc sử dụng, quản lý phần đất nêu trên. Tuy nhiên, cả bà T lẫn chị Th không khởi kiện vụ án tại Tòa án, chỉ đề nghị đưa ra ban hòa giải tại ấp P để giải quyết mâu thuẫn. Tại Biên bản hòa giải ngày 10/6/2023, ban hòa giải ấp đã xác định kết quả hòa giải không thành, đề nghị chuyển lên cấp trên. Tuy nhiên, thực tế sau khi ấp hòa giải, sự việc mâu thuẫn chưa được UBND cấp xã tiến hành hòa giải cơ sở mà bà T tiếp tục thực hiện việc xạ lúa. Căn cứ khoản 2 Điều 3 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017, ”Đối với tranh chấp ai là người có quyền sử dụng đất mà chưa được hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp theo quy định tại Điều 202

Luật đất đai năm 2013 thì được xác định là chưa có đủ điều kiện khởi kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015”, Hội đồng xét xử xác định thời điểm bà T xạ lúa, chưa xảy ra tranh chấp về quyền sử dụng thửa đất trên. Việc bà T tiếp tục xạ lúa trên phần đất diện tích 10460m², thửa đất số 1279, 1280, 1281, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh không phát sinh lỗi của bà T.

Quá trình giải quyết vụ án, bà N không thừa nhận có xịt thuốc làm cháy lúa bà T xạ. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai của ông Lê Thành T ngày 23/10/2023 (bút lục số 19), ông T thừa nhận *”vì đất đang tranh chấp mà bà T đi xạ lúa nên tôi và vợ tôi mới phun thuốc diệt cỏ để ngăn cản”*. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 07/11/2023 (bút lục số 21), bà N xác định *”gia đình chúng tôi có xuống đất để xịt thuốc cỏ, tránh cỏ dại mọc trên phần đất tranh chấp”*. Như vậy, có đủ căn cứ xác định bà N có xịt thuốc cỏ làm cháy một phần diện tích lúa bà T xạ trên phần đất diện tích 10460m², thửa đất số 1279, 1280, 1281, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Hội đồng xét xử xác định có phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại của bà Nguyễn Thị N đối với bà Đặng Mộng T.

[3.2] Xét thiệt hại thực tế của bà Đặng Mộng T:

Bà T yêu cầu bà N bồi thường số tiền số tiền 9.000.000 (chín triệu) đồng, cụ thể gồm tiền mua 220kg lúa giống là 3.000.000 (ba triệu) đồng, tiền thuê cày xới là 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng, tiền xịt cỏ là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, tại các biên bản làm việc với anh Lê Văn Q ngày 29/01/2024 (bút lục số 34) và tại Biên bản xác minh anh Phạm Ngọc A ngày 29/01/2024 (bút lục số 35), có căn cứ xác định bà T có mua lúa giống và thuê anh Q xịt cỏ với giá 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng, thuê anh Ngọc A cày xới với giá 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng. Như vậy, có căn cứ xác định bà T đã bỏ ra số tiền 9.000.000 (chín triệu) đồng để xạ lúa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh đối với anh Nguyễn Văn X (bút lục số 52), anh Phan Trung T (bút lục số 54) và anh Đỗ Thanh T – Công an viên xã P (bút lục số 55), có căn cứ xác định diện tích lúa bà T xạ bị cháy lờm chờm nên bà T đã bán lại phần lúa không bị cháy cho anh Tín với giá 4.000.000 (bốn triệu) đồng. Thực tế, anh T đã giao cho bà T số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng và tiếp tục canh tác đến khi thu hoạch, anh T đã bán cho thương lái được số tiền 17.300.000 (mười bảy triệu ba trăm nghìn) đồng.

Như vậy, có căn cứ xác định thiệt hại thực tế của bà T là 9.000.000 – 4.000.000 = 5.000.000 (năm triệu) đồng. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà N phải bồi thường cho bà T số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

[3.3] Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đặng Mộng T về việc buộc bà Nguyễn Thị N bồi thường số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Mộng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí. Bà Nguyễn Thị N là người trên 60 tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Mộng T đối với bà Nguyễn Thị N về việc “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”

Bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ bồi thường cho bà Đặng Mộng T số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Mộng T đối với bà Nguyễn Thị N về việc bà T yêu cầu bà N bồi thường giá trị 05 tấn lúa, thành tiền là 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đặng Mộng T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào 1.300.000 (một triệu ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu số 0013998 ngày 10 tháng 10 năm 2023 và Biên lai thu số 0007918 ngày 07 tháng 11 năm 2023, bà T được hoàn trả lại số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện DMC
- Chi cục THADS huyện DMC
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Song Tố Như